

Bản án số: **67/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 - 5 - 2022.

V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phương Lan

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử C khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 104/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Em B, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành C, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Em B trình bày:

Chị và anh Lê Thành C tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên đồng ý đã tổ chức lễ cưới năm 2012 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 17/10/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung tên Lê V, sinh ngày 26/8/2014 và Lê Minh Đ, sinh ngày 08/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi; mặc dù, được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng không hàn gắn được nên đã ly thân hơn 05 tháng cho đến nay. Hiện nay, hai con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Lê Thành C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Lê Thành C.
- Về con chung: Chị với anh Lê Thành C có hai con chung tên Lê V, sinh ngày 26/8/2014 và Lê Minh Đ, sinh ngày 08/8/2016. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Lê Thành C trình bày ý kiến:

Anh thống nhất với trình bày của chị B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống anh với chị B lúc đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh không quan tâm đến vợ con. Nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh vẫn còn thương vợ nên anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly thân với chị B sáu tháng; trường hợp, vợ chồng không đoàn tụ được thì anh đồng ý ly hôn.

Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn chị Đặng Thị Em B có ý kiến:* Chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị B kiên quyết xin được ly hôn với anh C. Chị B cho rằng, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên ngăn, anh C cũng đã viết cam kết thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh C không làm được và vợ chồng đã ly thân. Từ trước đến nay, chị làm nghề chăm sóc da tại nhà nên thu nhập của chị đã đủ nuôi hai con và chị cũng đang trực tiếp nuôi con nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Bị đơn anh Lê Thành C có ý kiến:* Anh C thừa nhận, trong quá trình chung sống anh không có quan tâm đến vợ con nên vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ mới mâu thuẫn hai lần. Cách đây vài tháng, trong lúc say rượu, nóng giận anh có đánh và đuổi chị B cùng với hai con ra khỏi nhà nhưng hiện nay chị B cùng với hai con đã về nhà sống và anh đã ra sống tại nhà trọ nên vợ chồng đã ly thân mấy tháng nay. Nay anh thấy còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn, chỉ đồng ý ly thân. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao hai con cho chị B nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng anh C trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C không có mặt tại phiên họp C khai chứng cứ và hòa giải nên anh C không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Em B nhận thấy: Chị B và anh Lê Thành C là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H nên hôn nhân giữa chị B và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bị đơn anh C không đồng ý ly hôn với chị B, với lý do anh còn tình cảm với chị B nhưng chị B kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh C.

Xét thấy, anh C với chị B thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện vợ chồng đang ly thân. Theo anh C cho rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh không quan tâm đến chị B nhưng tại phiên tòa anh không đề ra biện pháp nào để thiết phục chị B cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho anh C hòa giải yêu cầu khởi kiện của chị B nhưng anh C không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Điều này cho thấy, anh C không quan tâm đến quan hệ hôn nhân với chị B nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên căn cứ Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị B có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Tại phiên tòa, chị B và anh C thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung tên Lê V, sinh ngày 26/8/2014 và Lê Minh Đ, sinh ngày 08/8/2016. Chị B yêu cầu được tiếp tục được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng. Xét thấy, hai bé V và Đ từ nhỏ sống chung với nhau, do chị B trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu V được sống với mẹ. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết, anh C xác định: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về quan hệ con chung, về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Em B với bị đơn anh Lê Thành C Cho chị B được ly hôn với anh C và giao hai con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu cấp dưỡng. Đồng thời, tuyên buộc chị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Em B thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lê Thành C có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Em B và anh Lê Thành C đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H cấp chứng nhận kết hôn số 240 ngày 17/10/2018. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Em B và anh Lê Thành C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị B và anh C đều xác định, vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh C không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tại phiên tòa, chị Đặng Thị Em B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin được ly hôn với anh Lê Thành C. Chị B khẳng định, chị không còn tình cảm với anh Lê Thành C, vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Lê Thành C thừa nhận khi chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và anh có đánh, đuổi chị B cùng hai con ra khỏi nhà nhưng việc anh đánh đuổi vợ con ra khỏi nhà là do lúc say rượu, nóng giận nên anh không kiềm chế được. Mặc dù, vợ chồng đã ly thân nhưng bản thân anh vẫn còn thương vợ con nên anh không muốn ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh C không đề ra được biện pháp nào để thuyết phục chị B cho vợ chồng hàn gắn nên cuộc sống hôn nhân giữa anh C và chị B không khả năng đoàn tụ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị B là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị với anh Lê Thành C có hai con chung tên Lê V, sinh ngày 26/8/2014 và Lê Minh Đ, sinh ngày 08/8/2016. Hiện nay, các con chung đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, hai B từ nhỏ đã sống chung với nhau, do chị B trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con cũng như theo nguyện vọng của cháu Vi và ý kiến của anh C tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh C xác định: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu được nuôi con chung của chị B có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị Em B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Em B với bị đơn anh Lê Thành C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 278, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Em B được ly hôn với anh Lê Thành C.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Lê V, sinh ngày 26/8/2014 và Lê Minh Đ, sinh ngày 08/8/2016 cho chị Đặng Thị Em B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị Em B về việc không yêu cầu anh Lê Thành C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Thành C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Lê Thành C thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị Em B và anh Lê Thành C không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị Em B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Đặng Thị Em B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001696 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh